

Số: 23/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 05 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 8536/BTC-TH ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thông báo mức vốn đầu tư công dự kiến nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 055/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau, gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng sử dụng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

1.1. Quan điểm

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương phải được bố trí trọng tâm, trọng điểm, tuyệt đối không dàn trải, tập trung cho các dự án thực hiện các mục tiêu, đột phá chiến lược; định hướng dẫn dắt các nguồn vốn đầu tư khác; tạo xung lực chuyển đổi trạng thái, tạo động lực và không gian phát triển mới; kiên quyết phòng chống lãng phí, tiêu cực, tham nhũng.

b) Nguồn vốn ngân sách địa phương: tăng cường phân cấp, phân quyền cho các địa phương theo nguyên tắc địa phương tự quyết định, tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm, đảm bảo công khai, minh bạch. Vốn ngân sách địa phương phải ưu tiên tập trung hợp vốn ngân sách trung ương thực hiện các dự án nêu trên; các dự án quan trọng quốc gia, các dự án có ý nghĩa kinh tế - xã hội trọng yếu với vùng, địa phương, các dự án trọng điểm, liên kết vùng; bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia cùng trung ương trong các dự án lớn của quốc gia theo đúng cam kết, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn; ngân sách địa phương có trách nhiệm đầu tư để phục vụ an sinh xã hội, phục vụ nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn.

c) Đổi mới cách thức quản lý vốn ODA, trong đó: vốn ODA chỉ tập trung cho các công trình trọng điểm, các dự án lớn có tính xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái.

1.2. Mục tiêu, định hướng

a) Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án có tính liên kết vùng, tác động lan tỏa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh, giáo dục, đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, phòng, chống, khắc phục thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu,...

b) Đối với phần vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương: ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương chỉ bố trí cho dự án quy mô từ nhóm B trở lên. Trong đó, tập trung bố trí cho các dự án liên tỉnh, liên vùng, các dự án có ý nghĩa quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về thứ tự ưu tiên phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

2.1. Phân bổ đủ vốn để thanh toán hết số nợ đọng xây dựng cơ bản (phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015) theo quy định của Luật Đầu tư công (nếu còn);

2.2. Phân bổ đủ vốn để hoàn trả hết số vốn ứng trước kế hoạch (nếu còn);

2.3. Phân bổ đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (chưa hoàn thành trong kỳ kế hoạch);

2.4. Phân bổ vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư;

2.5. Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

2.6. Phân bổ vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là 40.077.284 triệu đồng, phân bổ chi tiết cho 59 dự án là 31.212.575 triệu đồng

(4.575.891 triệu đồng cho 22 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 26.636.684 triệu đồng cho 37 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030), còn lại 8.864.709 triệu đồng sẽ tiếp tục phân bổ chi tiết các dự án, nhiệm vụ nêu trên khi đủ điều kiện theo quy định, cụ thể như sau:

3.1. Vốn ngân sách trung ương: 18.805.584 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 12 dự án là 18.763.704 triệu đồng, giảm khoảng 78% so với 55 dự án giai đoạn 2021 - 2025 (717.009 triệu đồng cho 02 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 18.046.695 triệu đồng cho 10 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030), còn lại 41.880 triệu đồng sẽ tiếp tục phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện theo quy định, cụ thể như sau:

a) Vốn trong nước: 8.474.800 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 06 dự án (330.000 triệu đồng cho 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 8.144.800 triệu đồng cho 05 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030), bao gồm:

- Giao thông: 8.144.800 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 05 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 330.000 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030.

b) Vốn nước ngoài: 10.330.784 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 06 dự án là 10.288.904 triệu đồng (387.009 triệu đồng cho 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 9.901.895 triệu đồng cho 05 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030), còn lại 41.880 triệu đồng sẽ tiếp tục phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện theo quy định, bao gồm:

- Giao thông: 8.147.355 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 02 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 2.141.549 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 04 dự án (387.009 triệu đồng của 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 1.754.540 triệu đồng của 03 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030).

- Số vốn sẽ tiếp tục phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện theo quy định: 41.880 triệu đồng.

3.2. Vốn ngân sách địa phương: 21.271.700 triệu đồng, dự kiến phân bổ 12.448.871 triệu đồng cho 58 dự án, bao gồm đối ứng 11/12 dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương nêu trên (3.858.882 triệu đồng cho 21 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 8.589.989 triệu đồng cho 37 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030), còn lại 8.822.829 triệu đồng sẽ tiếp tục phân bổ chi tiết các dự án, nhiệm vụ nêu trên khi đủ điều kiện theo quy định, cụ thể:

a) Giao thông: 7.281.847 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 32 dự án (1.736.957 triệu đồng cho 11 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 5.544.890 triệu đồng cho 21 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030).

b) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 3.404.391 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 13 dự án (980.256 triệu đồng của 05 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 2.424.135 triệu đồng của 08 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030).

c) Y tế: 1.066.873 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 04 dự án (985.853 triệu đồng của 02 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và 81.020 triệu đồng của 02 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030).

d) Truyền hình: 27.554 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 02 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030.

e) Hạ tầng đô thị: 128.262 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030.

g) Văn hóa, Thông tin: 414.413 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 02 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030.

h) Giáo dục: 95.621 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 02 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030.

i) Khoa học, công nghệ: 29.910 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho 02 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030.

k) Số vốn sẽ tiếp tục phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện theo quy định: 8.822.829 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và tiếp tục hoàn thiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao chính thức Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2025./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều



Phụ lục
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến năm 2025				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Ghi chú
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
									NSTW	ODA	NSĐP		NSTW	ODA	NSĐP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ						38.472.016	6.815.173	4.636.513	70.000	2.108.660	40.077.284	8.474.800	10.330.784	21.271.700	
I	GIAO THÔNG						27.081.959	3.078.157	1.559.200	0	1.518.957	23.574.002	8.144.800	8.147.355	7.281.847	
a	Dự án chuyển tiếp						5.244.914	3.078.157	1.559.200	0	1.518.957	1.736.957	0	0	1.736.957	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai ngoài - thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	B	Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch, Phường Hiệp Thành	8,9km	2024 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	1.450.656	705.200	295.200		410.000	315.656			315.656	Nhu cầu còn lại so với tổng mức đầu tư sẽ được bổ sung từ điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trong thời gian tới
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu kết nối Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau (cầu Nguyễn Đình Chiểu)	B	Phường Lý Văn Lâm	HL-93	2024 - 2027	1897/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	499.573	60.000			60.000	439.573			439.573	
3	Dự án đầu tư xây dựng các cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	C	Xã Quách Phẩm	06 cầu 0,65HL-93	2023 - 2025	1985/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	62.208	32.850			32.850	29.358			29.358	
4	Dự án đầu tư xây dựng cầu Cà Bẹ, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	C	Xã Tân Tiến	0,65HL-93	2023 - 2025	2424/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	49.967	21.000			21.000	28.967			28.967	
5	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (Xẻo Lớn, Ông Do, Cái Trắng, Kênh Lò, Chệt Còm, Lương Thực) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn	C	Xã Năm Căn	01 cầu HL-93, 04 cầu 0,5xHL-93 và 01 cầu 0,4xHL-93	2024 - 2026	1990/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; 1016/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	103.901	32.000			32.000	71.901			71.901	
6	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (cầu Thầy Vinh, cầu Trầu Trắng, cầu C4) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	C	Xã Tân Lộc	03 cầu 0,5xHL-93	2025 - 2027	1685/QĐ-UBND ngày 06/7/2022; 923/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	24.465	10.000			10.000	14.465			14.465	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến năm 2025				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Ghi chú
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
									NSTW	ODA	NSDP		NSTW	ODA	NSDP	
7	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện đầu tư xây dựng tuyến cao tốc từ thành phố Cà Mau đến Đất Mũi	A	Các xã: Hồ Thị Kỳ, Khánh An, Khánh Bình, Lương Thế Trân, Hưng Mỹ, Cái Nước, Phú Mỹ, Nguyễn Việt Khái, Đất Mới, Đất Mũi.	713,09 ha	2025 - 2028	1137/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	2.028.000	1.656.010	1.014.000		642.010	371.990			371.990	
8	Dự án xây dựng tuyến đường từ Cầu Tư Cỏ đến Chùa Linh Ứng, huyện Đông Hải	B	Xã Long Điền	5.400m	2022 - 2026	49/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	199.268	165.000	150.000		15.000	34.268			34.268	
9	Dự án xây dựng tuyến đường từ Trèm Trèm đến Xẻo Quao thị trấn Ngan Dừa	B	Xã Hồng Dân	Dài 10km, rộng 7m và 08 cầu	2023 - 2025	2416/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	257.753	220.497	100.000		120.497	37.256			37.256	
10	Dự án Đường vành đai trong, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	B	Phường Vĩnh Trạch	1,7km	2022 - 2025	228/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	294.393	145.600			145.600	148.793			148.793	
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 1 đến Vĩnh Hưng (ĐT.980B) - giai đoạn 1	B	Xã Vĩnh Lợi, Xã Châu Thới	L = 15.3km R = 8m	2025 - 2028	389/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	274.730	30.000			30.000	244.730			244.730	
b	Dự án khởi công mới						21.837.045	0	0	0	0	21.837.045	8.144.800	8.147.355	5.544.890	
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quản lộ Phụng Hiệp - Vành đai 3 - ĐT.985B - Đường ven biển (cửa Sông Đốc)	B	Phường Tân Thành, phường An Xuyên, xã Hồ Thị Kỳ, xã Khánh An, xã Khánh Bình xã Trần Văn Thời, xã Khánh Hưng, xã Sông Đốc	50,01km	2026 - 2029	Đang lập BCĐXCTĐT	2.913.000					2.913.000	2.800.000		113.000	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
2	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - thị trấn U Minh	B	Phường An Xuyên, xã Hồ Thị Kỳ; xã Khánh An; xã Khánh Lâm; xã Nguyễn Phích	42,301km	2026 - 2029	Đang lập BCĐXCTĐT	1.867.989					1.867.989	1.674.700		193.289	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
3	Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh ĐT.980 thành QL.63b (đoạn từ Giá Rai đến Phó Sinh) và xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trám (ĐT.982B)	B			2026 - 2029	Đang lập BCĐXCTĐT	1.859.550					1.859.550	1.800.000		59.550	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến năm 2025				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Ghi chú
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
									NSTW	ODA	NSDP		NSTW	ODA	NSDP	
4	Dự án xây dựng tuyến đường từ cầu Hòa Bình 2 - Đê Biển	B	Xã Hòa Bình	12,1km (Bm/Bn = 7/12m) + 08 cầu Bm=12m	2026 - 2029	Đang lập BCĐXCTĐT	990.000					990.000	940.100		49.900	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
5	Dự án xây dựng cầu Bạc Liêu 5, thành phố Bạc Liêu	B	Phường Bạc Liêu	01 cầu Bm = 20,50m + đường vào cầu	2026 - 2029	Đang lập BCĐXCTĐT	969.741					969.741	930.000		39.741	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
6	Dự án đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau, dự kiến vay vốn của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (KEXIM)	A			2026 - 2030	Đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án	8.482.425					8.482.425		6.207.759	2.274.666	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
7	Dự án đường ven biển đoạn qua địa phận tỉnh Bạc Liêu và đoạn kết nối Nam Sông Hậu	A	Phường Hiệp Thành, xã Vĩnh Hậu, xã Đông Hải, xã Long Điền, xã Gành Hào		2026 - 2030	Đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án	3.750.051					3.750.051		1.939.596	1.810.455	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
8	Dự án xây dựng cầu Vàm Xáng	B	Xã Gành Hào và xã Định Thành	01 cầu Bm = 12m + 1.000 m đường vào cầu	2025 - 2028	306/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	321.573					321.573			321.573	
9	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân	C	Xã Nguyễn Việt Khái	9,58km	2025 - 2027	1171/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	37.943					37.943			37.943	
10	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô về trung tâm xã Trí Lực, huyện Thới Bình	C	Các xã: Trí Phái, Biển Bạch	14,095km	2025 - 2027	1170/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	66.675					66.675			66.675	
11	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Chà Là, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi	C	Xã Trần Phán	0,5xHL-93	2025 - 2027	669/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	14.734					14.734			14.734	
12	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	C	Xã Trần Văn Thời	8,9km	2025 - 2027	693/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	45.238					45.238			45.238	
13	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	C	Xã Khánh Hưng	8,6km	2025 - 2027	694/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	48.130					48.130			48.130	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến năm 2025				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Ghi chú
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
									NSTW	ODA	NSĐP		NSTW	ODA	NSĐP	
14	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	C	Các xã: Đầm Dơi, Tạ An Khương, Tân Thuận, Tân Tiến	13,9km	2025 - 2027	691/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	95.500					95.500			95.500	
15	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm các xã Hòa Thành, Hòa Tân, Định Bình và Tác Vân (đoạn từ đường gom cầu Hòa Thành tuyến tránh Quốc lộ 1 đến Trụ sở ấp 4 xã Tác Vân)	C	Các phường: Hòa Thành, Tân Thành	11,8km	2025 - 2027	674/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	86.738					86.738			86.738	
16	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cầu Biện Nhị trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hòa, Khánh Tiến, huyện U Minh	C	Các xã: Khánh Lâm, U Minh	126m	2025 - 2027	1303/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	5.992					5.992			5.992	
17	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô về trung tâm xã Khánh Thuận, huyện U Minh	C	Xã Nguyễn Phích	4,741km	2025 - 2027	692/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	19.299					19.299			19.299	
18	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Lâm Hải, huyện Năm Căn	C	Xã Đất Mới	11,8km	2025 - 2027	460/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	48.771					48.771			48.771	
19	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang, Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	C	Xã Tam Giang	14,8km	2025 - 2027	461/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	64.396					64.396			64.396	
20	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	C	Các xã: Phan Ngọc Hiển, Đất Mũi	14,2km	2025 - 2027	456/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	76.800					76.800			76.800	
21	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	C	Xã Đất Mũi	14,9km	2025 - 2027	463/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	72.500					72.500			72.500	
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						7.014.028	1.123.620	730.000	70.000	323.620	5.875.940	330.000	2.141.549	3.404.391	
a	Dự án chuyển tiếp						2.824.353	1.112.620	730.000	70.000	312.620	1.697.265	330.000	387.009	980.256	
1	Dự án đầu tư từ bờ sông thành phố Bạc Liêu	B	Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch	6km	2023 - 2026	2258/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	902.768	558.300	430.000		128.300	330.000	330.000			Đã đủ vốn để hoàn thành dự án
2	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đồi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	B	Xã Cái Đồi Vàm, Xã Nguyễn Việt Khái, Xã Phú Tân, Xã Sông Đốc	19 km đê, 11 km kè	2024 - 2027	1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019; 23/NQ-HĐND Ngày 10/10/2023	849.275	121.320		70.000	51.320	727.955		387.009	340.946	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến năm 2025			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Ghi chú		
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
									NSTW	ODA		NSĐP	NSTW		ODA	NSĐP
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thờì	C	Xã Sông Đốc	365 hộ	2022 - 2025	974/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	61.566	36.000			36.000	25.566		25.566		
4	Dự án Đầu tư xây dựng kè Nhà Mát đoạn từ cầu Nhà Mát đến Cổng Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	B	Phường Hiệp Thành	5.950 m	2023-2027	166/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	905.141	379.000	300.000		79.000	526.141		526.141		
5	Dự án Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp trường tiểu học Nguyễn Thị Định tại Khu địa ốc, phường 1, thành phố Bạc Liêu	C	Phường Bạc Liêu	258 nền	2025 - 2026	87/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	44.498	8.000			8.000	36.498		36.498		
6	Dự án Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía Đông đường Bạch Đằng, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	C	Phường Hiệp Thành	176 nền	2025 - 2026	92/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	61.105	10.000			10.000	51.105		51.105		
b	Dự án khởi công mới						4.189.675	11.000	0	0	11.000	4.178.675	0	1.754.540	2.424.135	
1	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Cà Mau	B		100 ha	2026 - 2029	08/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	536.000	11.000			11.000	525.000		273.150	251.850	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
2	Dự án Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long - tỉnh Cà Mau (Dự án WB11-Tỉnh Cà Mau)	B			2026 - 2029	Đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án	960.231					960.231		615.181	345.050	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
3	Dự án chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long, vay vốn WB - tỉnh Bạc Liêu	B			2026 - 2029	Đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án	1.416.724					1.416.724		866.209	550.515	Danh mục dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đã làm việc với Bộ Tài chính), đang hoàn thiện thủ tục đầu tư
4	Dự án Kè bờ sông thị trấn Gành Hào đoạn G6 (điểm đầu tại Rạch Cóc và điểm cuối tại ngã ba sông Gành Hào)	B	Xã Gành Hào	2,5km	2025 - 2029	282/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	480.000					480.000			480.000	
5	Dự án Kè chống sạt lở bảo vệ đê biển khu vực thị trấn Gành Hào (từ Kênh 3 đến ngã ba Mũi Tàu)	C	Xã Gành Hào	2,5km	2025 - 2027	285 /QĐ-UBND ngày 26/6/2025	114.903					114.903			114.903	
6	Dự án Xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu (từ Huyện Kê hướng về Chùa Linh Ứng)	C	Xã Long Điền	2,2 km	2025 - 2027	284/QĐ-UBND ngày 26/6/225	95.969					95.969			95.969	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến năm 2025				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Ghi chú
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
									NSTW	ODA	NSDP		NSTW	ODA	NSDP	
7	Dự án Xói lở bờ biển thành phố Bạc Liêu (đoạn còn lại giữa bờ biển Vĩnh Trạch Đông và bờ biển Nhà Mát)	B	Phường Hiệp Thành	4,5km	2025 - 2028	283/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	198.000					198.000			198.000	
8	Dự án Xây dựng 07 cống ngăn mặn, chống triều cường bảo vệ sản xuất vùng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	B	Xã Hưng Hội, xã Hoà Bình, xã Vĩnh Mỹ, phường Láng Tròn	Các cống BTCT và các hạng mục phụ trợ	2025 - 2028	109/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	387.848					387.848			387.848	
III	Y TẾ						3.520.269	2.453.396	2.347.313	0	106.083	1.066.873	0	0	1.066.873	
a	Dự án chuyển tiếp						3.437.249	2.451.396	2.347.313	0	104.083	985.853	0	0	985.853	
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	A	Phường Hòa Thành	1.200 giường	2020 - 2025	2759/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	3.301.653	2.438.796	2.347.313		91.483	862.857			862.857	
2	Dự án nâng cấp Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Cà Mau	B	Phường Tân Thành	120 giường bệnh	2021 - 2024	2764/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	135.596	12.600			12.600	122.996			122.996	
b	Dự án khởi công mới						83.020	2.000	0	0	2.000	81.020	0	0	81.020	
1	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh cho Bệnh viện Quân y tỉnh Bạc Liêu	C	Bệnh viện Quân dân y Bạc Liêu	Mua sắm	2024 - 2026	13/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	30.711	1.000			1.000	29.711			29.711	
2	Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế triển khai kỹ thuật cao thuộc Đơn vị Tim mạch can thiệp của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	B	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Mua sắm	2025 - 2026	26/QĐ-UBND ngày 06/2/2025	52.309	1.000			1.000	51.309			51.309	
IV	TRUYỀN HÌNH						37.554	10.000	0	0	10.000	27.554	0	0	27.554	
a	Dự án chuyển tiếp						37.554	10.000	0	0	10.000	27.554	0	0	27.554	
1	Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục cấp thiết của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau và các cơ sở do Đài quản lý	C	Phường An Xuyên và xã Lương Thế Trân	Công trình dân dụng	2025 - 2027	1455/QĐ-UBND ngày 22/7/2024	19.554	5.000			5.000	14.554			14.554	
2	Dự án đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, truyền dẫn phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau	C	Phường An Xuyên	Mua sắm và lắp đặt thiết bị	2025 - 2027	2302/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	18.000	5.000			5.000	13.000			13.000	
V	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ						278.262	150.000	0	0	150.000	128.262	0	0	128.262	
a	Dự án chuyển tiếp						278.262	150.000	0	0	150.000	128.262	0	0	128.262	
1	Dự án đầu tư xây dựng Quảng trường Phan Ngọc Hiển	B	Phường An Xuyên	50.724,6 m2	2023 - 2025	2118/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2453/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	278.262	150.000			150.000	128.262			128.262	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến năm 2025				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030				Ghi chú
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
									NSTW	ODA	NSDP		NSTW	ODA	NSDP	
VI	VĂN HÓA, THÔNG TIN						414.413	0	0	0	0	414.413	0	0	414.413	
a	Dự án khởi công mới						414.413	0	0	0	0	414.413	0	0	414.413	
1	Dự án đầu tư xây dựng tượng bia Tiểu đoàn U Minh 2	C	Xã Lương Thế Trân	San lấp mặt bằng - vỉa hè; bia tưởng niệm	2025 - 2027	1304/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	3.603					3.603			3.603	
2	Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công trình Bảo tàng - Thư viện tỉnh Cà Mau	B	Phường An Xuyên	10.079m ²	2025 - 2028	318/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	410.810					410.810			410.810	
VII	GIÁO DỤC						95.621	0	0	0	0	95.621	0	0	95.621	
a	Dự án khởi công mới						95.621	0	0	0	0	95.621	0	0	95.621	
1	Dự án xây dựng Trường THPT Hiệp Thành	B	Phường Hiệp Thành	Xây mới	2025 - 2029	254/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	90.622					90.622			90.622	
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Bạc Liêu - Cơ sở 2	C	Xã Hòa Bình	Cải tạo, sửa chữa	2025 - 2026	257/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	4.999					4.999			4.999	
VIII	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ						29.910	0	0	0	0	29.910	0	0	29.910	
a	Dự án khởi công mới						29.910	0	0	0	0	29.910	0	0	29.910	
1	Dự án thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ đã chỉnh lý của Sở Tư pháp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị	C	Sở Tư pháp	Số hóa dữ liệu	2025 - 2026	289/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	5.124					5.124			5.124	
2	Dự án Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 3	C	Sở Nội vụ	Số hóa dữ liệu	2025 - 2026	160/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	24.786					24.786			24.786	
IX	Số vốn dự kiến phân bổ chi tiết cho các dự án đang trong quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và các nhiệm vụ: đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia; ủy thác qua NHCSXH; cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách...											8.864.709		41.880	8.822.829	